TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H** _____ Số: 147/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____ *V, ngày 25 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Nà Miều, xã Phương T, huyện V, tỉnh H và anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Nà Miều, xã Phương T, huyện V, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 2 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Nà Miều, xã Phương T, huyện V, tỉnh H và anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Nà Miều, xã Phương T, huyện V, tỉnh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận nhất trí giao:

Cháu Nguyễn Quốc Th - Sinh ngày: 11/9/2014 và cháu Nguyễn Kim Ph - Sinh ngày: 12/11/2016 cho chị Nguyễn Thị P; Địa chỉ: Thôn Nà Miều, xã Phương T, tỉnh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 15/11/2019. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận nhất trí để chị Nguyễn Thị P chịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai số 01189 nộp ngày 27/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H. Trả lại cho chị Nguyễn Thị P số tiền 150.000đ chênh lệch tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Phương T, huyện V, Tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Anh Luyện